



## Chiến tranh Anh – Hà Lan (1780–1784) và những tác động đối với quan hệ Anh – Hà Lan – Mỹ

Nguyễn Bình An, Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh, Nguyễn Thị Thúy Vy, Nguyễn Phan Nhật Linh

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

### THÔNG TIN BÀI BÁO

*Quá trình xử lý:*

*Ngày nhận bài: 13/01/2025*

*Ngày nhận bản chỉnh sửa: 28/5/2025*

*Ngày nhận đăng: 10/6/2025*

*Ngày xuất bản: 20/10/2025*

*Từ khóa:*

*Chiến tranh Anh – Hà Lan*

*Quan hệ Anh – Hà Lan – Mỹ*

*Cách mạng Mỹ*

### TÓM TẮT

Cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan (1780-1784) diễn ra trong bối cảnh căng thẳng chính trị và kinh tế giữa hai quốc gia, chủ yếu xuất phát từ sự hỗ trợ gián tiếp mà Hà Lan dành cho các thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ. Mặc dù chiến tranh chủ yếu diễn ra giữa hải quân hai nước, nhưng nó lại có tác động sâu rộng đến quan hệ ba nước Anh - Hà Lan - Mỹ. Bài báo khái quát về cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan (1780-1784), phân tích những tác động của cuộc chiến tranh này đối với quan hệ Anh - Hà Lan - Mỹ, cũng như sự thay đổi trong các mối quan hệ quốc tế.

## 1. GIỚI THIỆU

Quan hệ Anh – Hà Lan từ giữa thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII chủ yếu là cạnh tranh, xung đột về quyền kiểm soát các tuyến đường biển và thuộc địa, đặc biệt tại các khu vực thương mại quan trọng, với biểu hiện là ba cuộc chiến tranh lớn: Cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ nhất (1652-1654), lần thứ hai (1665-1667) và lần thứ ba (1672-1674). Mặc dù, sau cuộc chiến tranh lần thứ ba, hai nước đạt được hòa bình, nhưng mối quan hệ giữa hai quốc gia vẫn căng thẳng, bởi sự cạnh tranh về quyền lực biển và các lợi ích kinh tế vẫn là yếu tố quyết định, chi phối mối quan hệ giữa hai nước. Do đó, từ sau năm 1674 cho đến trước năm 1780, mặc dù không có những xung đột trực tiếp, nhưng giữa Anh và Hà Lan vẫn duy trì một mối quan hệ phức tạp, vừa hợp tác, vừa đối đầu trong các lĩnh vực thương mại quốc tế và ảnh hưởng ở các vùng biển quan trọng.

Từ giữa thập niên 70 của thế kỷ XVIII, quan hệ Anh - Hà Lan trở nên căng thẳng hơn khi Hà Lan hỗ trợ các thuộc địa Mỹ trong cuộc chiến tranh giành độc lập. Mặc dù không tham chiến trực tiếp, nhưng thông qua các hoạt động cung cấp tài chính và thương mại cho Mỹ, Hà Lan đã gây áp lực lên Anh. Điều này đã làm gia tăng căng thẳng với Anh, quốc gia đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng thuộc địa ở Bắc Mỹ. Do vậy, chiến tranh Anh – Hà Lan lần thứ tư đã bùng nổ. Cuộc chiến đã làm trầm trọng thêm mối quan hệ Anh – Hà Lan, đồng thời gia tăng sự can thiệp của Hà Lan vào các vấn đề của Mỹ, qua đó hỗ trợ Cách mạng Mỹ chống lại đế quốc Anh. Bài viết khái quát về cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ tư (1780-1784) và làm rõ những tác động của cuộc chiến tranh này đối với quan hệ Anh – Hà Lan – Mỹ.

## 2. PHƯƠNG PHÁP

Là công trình nghiên cứu chuyên ngành Lịch sử, nhóm tác giả quán triệt phương pháp luận Sử học mác-xít về mối quan hệ biện chứng giữa các sự kiện, nhằm đảm bảo tính chân thực, khách quan của lịch sử. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính khách quan và khoa học trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả còn kết hợp chặt chẽ giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic, đồng thời chú ý tới phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế để phân tích, khái quát những vấn đề đặt ra. Ngoài ra, nhóm tác giả còn linh hoạt sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp phân tích, chọn lọc, phân loại, tổng hợp, so sánh, đối chiếu... nhằm xử lý nguồn tư liệu.

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Bình An;*

*Địa chỉ e-mail: nban@dhsphue.edu.vn*

*DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.051.2025>*

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 1. Khái quát về cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan (1780-1784)

Kể từ năm 1674, khi cuộc chiến tranh Anh – Hà Lan lần thứ ba (1672-1674) kết thúc, Vương quốc Anh và Cộng hòa Hà Lan là đồng minh tự nhiên của nhau, với tư cách là các cường quốc hàng hải. Tuy nhiên, từ năm 1780, sau một thế kỷ gần như hoàn toàn trung lập trong các cuộc chiến tranh lớn, Anh và Hà Lan đã vướng vào xung đột trong chiến tranh Cách mạng Hoa Kỳ (Oostindie & Roitman, 2014, p. 119).

Khi các thuộc địa Bắc Mỹ của Anh nổi dậy chống lại sự cai trị của mẫu quốc vào năm 1775, Anh đã kêu gọi đồng minh Hà Lan, cho thuê Lữ đoàn Scots để phục vụ ở Mỹ, nhưng yêu cầu này đã không được chính phủ Hà Lan chấp thuận vì không phù hợp với chính sách trung lập của đất nước (Moore & Nierop, 2016, p. 26). Quan trọng hơn, các thương gia Hà Lan, đặc biệt là những người từ Amsterdam, đã tham gia vào việc cung cấp vũ khí và đạn dược cho quân nổi dậy Bắc Mỹ ngay khi chiến tranh nổ ra. Hoạt động buôn bán này chủ yếu được thực hiện thông qua hòn đảo St. Eustatius nằm ở vùng biển Caribe, một thuộc địa do Công ty Tây Ấn Hà Lan quản lý (Edler, 1911, p. 42). Năm 1776, thống đốc của hòn đảo, Johannes de Graeff, là người đầu tiên chào cờ Hoa Kỳ, dẫn đến sự nghi ngờ ngày càng tăng của người Anh đối với người Hà Lan.

Năm 1778, chiến tranh Pháp - Anh nổ ra ở châu Âu (do sự can thiệp của Pháp vào cuộc xung đột ở Bắc Mỹ) và người Anh đã viện dẫn Hiệp ước Westminster (1678)<sup>1</sup> để yêu cầu nước Cộng hòa hỗ trợ họ về mặt quân sự. Tuy nhiên, cũng giống như trong Chiến tranh Bảy năm<sup>2</sup>, chính phủ Hà Lan từ chối.

Sau khi Pháp tuyên chiến với Anh, các thương gia Amsterdam cũng tham gia sâu vào hoạt động buôn bán vật tư hải quân với Pháp (người Pháp cần những vật tư này để đóng tàu, nhưng họ không thể tự mình có được chúng do bị Hải quân Anh phong tỏa). Những mâu thuẫn này đã khiến người Anh tức giận. Chính phủ Anh đã ra lệnh cho lực lượng Hải quân Hoàng gia lục soát các tàu của Hà Lan và các tàu trung lập khác trên biển để tìm và tịch thu các ‘hàng lậu’<sup>3</sup>, thực thi lệnh cấm vận, bằng cách bắt giữ các con tàu này. Điều này dẫn đến sự phản đối mạnh mẽ của các thương gia Hà Lan bị ảnh hưởng, gây ra một làn sóng dữ dội ở Cộng hòa chống lại cả Anh và chính quyền (Onnekink & Rommelse, 2019, pp. 240-241).

Đáp lại, Anh vẫn kiên trì đàn áp mạnh tay các hoạt động buôn lậu của Hà Lan, thậm chí còn đi xa hơn, vào tháng 4/1780, khi chính thức bãi bỏ nguyên tắc cũ đã được thiết lập là “tàu bè tự do, hàng hóa tự do” (free ship, free good), được ký kết trong Hiệp ước Thương mại (1668) và được củng cố ở Hiệp ước Westminster (1674). Điều này đã thúc đẩy người Hà Lan tìm cách gia nhập Liên đoàn Trung lập Vũ trang mới được Nữ hoàng Nga - Catherine Đại đế khởi xướng một tháng trước đó. Dự đoán trước diễn biến này, Anh đã hành động bằng cách nhanh chóng tuyên chiến để ngăn Cộng hòa Hà Lan tham gia Liên minh này.

Cái cớ gây chiến được đưa ra một cách rõ ràng bằng một dự thảo thỏa thuận giữa thành phố Amsterdam và Quốc hội Hoa Kỳ, được tìm thấy trong số các giấy tờ của phái viên Hoa Kỳ - Henry Laurens, bị một tàu chiến Anh chặn lại trên đường đi. Bản “Dự thảo” của Laurens đã bị chính quyền Anh lợi dụng để gây ra sự vi phạm chính thức trong quan hệ. Anh yêu cầu chính quyền Hà Lan phải có hành động chống lại những người ký kết hiệp ước. Khi họ chậm trễ trong việc thực hiện, Đại sứ của Anh tại Hà Lan, Sir Joseph Yorke đã chính thức được yêu cầu rời khỏi The Hague vào cuối tháng 12/1780 và cuộc chiến bắt đầu (Scott, 1988, p. 574).

Bắt đầu cuộc chiến, Anh đã nhanh chóng điều quân, thực thi biện pháp phong tỏa trên Biển Bắc. Các tàu buôn Anh và hải quân Hoàng gia đã tiến hành một cuộc tấn công tàn phá vào thương mại và tàu thuyền Hà Lan; đồng thời, một loạt các đòn đánh đã được chuẩn bị nhằm vào hải quân của nền Cộng hòa. Châu Âu, khu vực Tây Ấn, châu Phi và Ấn Độ là những mặt trận diễn ra đụng độ quân sự giữa hai bên. Tuy Hà Lan thất thế ở một số trận đánh nhưng cũng khiến cho giới tướng lĩnh trong Hội đồng hải quân Hoàng gia Anh phải tính tới phương án điều quân chi viện. Tuy nhiên, những bất ổn chính trị trong nền Cộng hòa và các cuộc đàm phán hòa bình của cả hai bên đã giúp giảm thiểu xung đột. Phần lớn công chúng Hà Lan ủng hộ một liên minh quân

<sup>1</sup> Hiệp ước giữa Anh và Hà Lan xác nhận “nghĩa vụ hỗ trợ lẫn nhau và phòng thủ với tất cả những quyền lợi của mỗi bên cả trên đất liền lẫn trên đại dương trong trường hợp một bên bị tấn công và cam kết mỗi bên chống lại nền hòa bình, ngừng bắn và hưu chiến riêng rẽ” (Bemis, 1951, p. 64).

<sup>2</sup> Chiến tranh Bảy năm (1756-1763), là một cuộc xung đột giữa các cường quốc châu Âu, chủ yếu giữa các cường quốc Anh và Phổ đối đầu với Pháp và Áo. Bên cạnh đó, còn có sự tham gia của một số quốc gia như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Saxony, Thụy Điển và Nga vào các liên minh này. Trong cuộc chiến tranh này, Hà Lan đã làm mọi cách có thể để đảm bảo rằng Cộng hòa không tham gia vào cuộc tranh chấp Pháp-Anh, bắt chấp sự thù địch với Pháp và là đồng minh lâu năm của Anh.

<sup>3</sup> Theo Hiệp ước Thương mại Anh - Hà Lan (1668), Hiệp ước Westminster (1674), Anh đã cam kết miễn trừ tịch thu hàng hóa trên tàu Hà Lan nếu người Hà Lan giữ thái độ trung lập trong các cuộc chiến; các vật tư hải quân bao gồm gỗ, cột buồm, thanh giăng, vải bạt, hắc ín, dây thừng và nhựa đường không phải là hàng lậu và do đó, người Hà Lan được tiếp tục tự do buôn bán những hàng hóa này. Tuy nhiên, với vai trò quan trọng của người Hà Lan trong hệ thống thương mại vận tải của châu Âu, đã mở ra một lỗ hổng lớn trong lệnh cấm vận của Anh. Sau đó, người Anh đơn phương tuyên bố hàng dự trữ của hải quân là hàng lậu và thực thi lệnh cấm vận của họ bằng cách bắt giữ các tàu của Hà Lan và các tàu trung lập khác trên biển cả.

sự với Pháp chống lại Anh; nhưng Quốc trưởng Hà Lan (Stadtholder) đã không tán thành tư tưởng này, mà hi vọng sẽ bảo đảm một nền hòa bình sớm. Cuộc chiến đã kết thúc với chiến thắng thuyết phục của người Anh và phơi bày sự yếu kém của nền tảng kinh tế, chính trị của Cộng hòa Hà Lan, dẫn đến bất ổn và cách mạng ở quốc gia này sau đó. Chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ tư (1780-1784) là một đòn giáng mạnh vào nền thương mại vận tải hàng hải của Hà Lan, khi Hải quân Cộng hòa không đủ khả năng ngăn chặn các cuộc tấn công hay chống lại sự thống trị trên biển của Anh, dẫn đến việc hàng trăm tàu buôn, trong đó có các tàu của Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) đã bị Anh tịch thu. Những thất bại trong cuộc chiến đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của phong trào Patriot ở Hà Lan, nhằm cải cách chính phủ và giảm ảnh hưởng của phe ủng hộ Anh. Có thể nói, chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ tư (1780-1784) là minh chứng cho sự suy yếu của quyền lực Hà Lan và sự vươn lên đầy mạnh mẽ của Anh vào cuối thế kỷ XVIII.

## 2. Những tác động của cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan (1780-1784) đối với quan hệ Anh - Hà Lan - Mỹ

### 2.1. Đối với quan hệ Anh - Hà Lan

Mặc dù cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan (1780-1784) không phải là một cuộc xung đột lớn như các cuộc chiến tranh khác trong cùng thời kỳ, nhưng nó đã có những tác động sâu sắc đối với quan hệ giữa hai nước, đặc biệt là trên lĩnh vực quân sự và kinh tế.

Trên lĩnh vực quân sự, Anh cáo buộc Hà Lan hỗ trợ các thuộc địa Bắc Mỹ trong cuộc Cách mạng Mỹ, nên đã tuyên chiến với Hà Lan. Hải quân Anh đã thực hiện nhiều cuộc tấn công vào tàu của Hà Lan, dẫn đến các cuộc giao tranh dữ dội giữa hai quốc gia, mà chủ yếu là ở trên biển.

Trên lĩnh vực kinh tế, là một cường quốc hàng hải, phụ thuộc vào thương mại biển, Hà Lan đã phải gánh chịu những tổn thất nặng nề khi các tàu buôn của mình bị tấn công và các tuyến đường thương mại bị gián đoạn. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến nền kinh tế của Hà Lan mà còn làm suy yếu vị thế của quốc gia này trong hệ thống thương mại quốc tế. Quan hệ kinh tế giữa Anh - Hà Lan do đó ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

Trong gần một thế kỷ quan hệ hòa bình giữa Anh và Hà Lan trước khi cuộc chiến tranh lần thứ tư (1780-1784) nổ ra, trong bối cảnh chiến tranh trên biển cả thường xuyên xảy ra giữa Anh và các đối thủ của mình (Pháp, Tây Ban Nha, Bắc Mỹ), người Hà Lan đã hỗ trợ hệ thống tín dụng công<sup>4</sup> của Anh bằng các khoản đầu tư đáng kể trong khi sức mạnh tài chính - quân sự của Anh bảo vệ các nỗ lực thương mại Anh - Hà Lan khỏi các cuộc xâm lược của kẻ thù (Oostindie & Roitman, 2014, p. 136). Người Hà Lan đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập tín dụng công lành mạnh và hiệu quả tại Anh. Các khoản vay của Hà Lan đã giúp đáng kể trong việc thanh toán cho quân đội Lục địa của Anh và các đồng minh Lục địa trong thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, từ đầu những năm 1780, người Hà Lan đã giảm mạnh các khoản đầu tư của họ vào Anh vì Hà Lan và Anh đã trở thành kẻ thù trong chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ tư (1780-1784) và Chiến tranh Cách mạng Mỹ đang diễn ra là mối đe dọa đối với tín dụng công (Oostindie & Roitman, 2014, pp. 124-125).

Bên cạnh đó, những tổn thất nặng nề do chiến tranh gây ra đã khiến Hà Lan không thể duy trì sức mạnh của mình trước sự trỗi dậy ngày càng mạnh mẽ từ Anh. Cuộc chiến đã khiến nền kinh tế Hà Lan rơi vào khủng hoảng, và khả năng phát triển thương mại của nước này bị hạn chế trong suốt một thời gian dài sau chiến tranh. Điều này trở nên rõ rệt hơn từ sau cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ tư (1780-1784).

Trong hai thập kỷ cuối của thế kỷ XVIII, Anh chứng kiến hoạt động buôn bán của mình ở Đại Tây Dương, cả về nô lệ và hàng hóa, tăng trưởng nhanh hơn so với hoạt động buôn bán đến các điểm đến khác. Trong khi đó, người Hà Lan đã trải qua sự suy giảm trong hoạt động buôn bán ở Đại Tây Dương, với hoạt động buôn bán nô lệ gần như dừng hẳn. GDP bình quân đầu người ở Hà Lan đạt đỉnh vào khoảng năm 1650 và giảm phần nào trong 200 năm tiếp theo, trong khi từ năm 1500 đến năm 1700, GDP bình quân đầu người ở Anh thấp hơn nhiều so với Hà Lan, nhưng đã tăng gần gấp đôi trong giai đoạn 1700-1820 (Oostindie & Roitman, 2014, p. 346). Sự phát triển tương tự cũng diễn ra trong ngành vận tải biển châu Âu. Thị phần của Hà Lan ước tính là 40% vào năm 1650 và 12% vào năm 1780; thị phần của Anh tăng từ 12% lên 26% (Oostindie & Roitman, 2014, p. 346).

Sau khi chiến tranh kết thúc vào năm 1784, mối quan hệ giữa Anh và Hà Lan vẫn không thể phục hồi hoàn toàn. Mặc dù Hiệp ước Paris (1784) đã đưa ra một thỏa thuận hòa bình, nhưng những thiệt hại về kinh tế, quân sự và chính trị mà Hà Lan phải gánh chịu đã làm suy yếu vị thế của Hà Lan trong hệ thống thương mại và chính trị quốc tế. Hà Lan không còn đủ tiềm lực để có thể cạnh tranh với Anh trong lĩnh vực thương mại hàng

<sup>4</sup> Tín dụng công là cầu nối quan trọng trong quan hệ kinh tế - tài chính giữa Anh và Hà Lan sau Cách mạng Vinh Quang (1688). Dưới ảnh hưởng của các nhà tài chính Hà Lan đi theo William xứ Orange, Anh đã học hỏi và mô phỏng hệ thống tín dụng công hiệu quả của Hà Lan, đặc biệt qua việc thành lập Ngân hàng Anh theo mô hình Amsterdam Wisselbank. Nhờ có hệ thống nợ công minh bạch và đáng tin cậy, Anh nhanh chóng thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn từ Hà Lan - nơi có lượng vốn dư thừa nhưng thiếu cơ hội đầu tư trong nước.

hải, và vị thế của quốc gia này trong nền kinh tế toàn cầu cũng bị giảm sút nghiêm trọng. Chính vì vậy, mặc dù mối quan hệ hòa bình đã được thiết lập nhưng sự căng thẳng giữa hai quốc gia vẫn tồn tại trong nhiều năm sau đó.

## 2.2. Đối với quan hệ Anh - Mỹ

Chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ tư (1780-1784) không chỉ là một cuộc xung đột có tầm ảnh hưởng quan trọng đến hai quốc gia tham chiến: Anh – Hà Lan, mà bản thân nó còn có những tác động lớn đối với hệ thống thương mại và chính trị quốc tế, trong đó có quan hệ giữa Anh và Mỹ.

Trong cuộc chiến, Anh đã thực hiện các biện pháp mạnh mẽ nhằm ngăn chặn sự giao thương giữa Hà Lan với các thuộc địa Bắc Mỹ như là việc Anh đã tấn công các tàu của Hà Lan và cấm các tàu này vận chuyển hàng hóa đến và đi từ các thuộc địa Bắc Mỹ. Điều này không chỉ làm tê liệt nền thương mại của Hà Lan mà còn làm gián đoạn các hoạt động kinh tế thương mại của các thuộc địa Bắc Mỹ, vốn đang rất phụ thuộc vào các giao dịch quốc tế. Chính vì vậy, cuộc chiến này như là một chất xúc tác khiến cho mối quan hệ giữa Anh và các thuộc địa Bắc Mỹ vốn đã căng thẳng càng thêm “leo thang”.

Bên cạnh đó, chiến tranh Anh – Hà Lan lần thứ tư còn tạo cơ hội cho các thế lực bên ngoài lợi dụng, can thiệp vào cuộc chiến tranh Cách mạng Mỹ, qua đó làm thay đổi cục diện của cuộc xung đột giữa Anh và các thuộc địa Bắc Mỹ. Bởi để đối phó với Hà Lan trong cuộc chiến tranh, Anh đã phải duy trì một lực lượng quân đội lớn để chiến đấu ở châu Âu và các vùng biển. Điều này khiến Anh gặp khó khăn trong việc tiếp tục duy trì đủ binh lính và tài chính để đối phó với các cuộc nổi dậy ngày càng mạnh mẽ của các thuộc địa. Trước bối cảnh đó, các cường quốc châu Âu, đặc biệt là Pháp đã tận dụng cơ hội này để gia tăng sự hỗ trợ đối với các thuộc địa Mỹ.

Pháp không chỉ cung cấp vũ khí, đạn dược mà còn gửi các chuyên gia quân sự và các đội quân tình nguyện đến tham gia trực tiếp vào cuộc chiến, đồng thời cam kết viện trợ tài chính cho cuộc kháng chiến của các thuộc địa Mỹ. Những động thái can thiệp nói trên được thể hiện rõ trong các chiến dịch quân sự quan trọng, như trận Yorktown (1781), nơi các lực lượng của Anh bị bao vây bởi quân đội Mỹ và Pháp. Sự hỗ trợ quân sự và tài chính từ Pháp đã giúp Mỹ giành chiến thắng quyết định tại Yorktown, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong cuộc Cách mạng Mỹ (Simms, 2008, p. 654). Trận thắng này, cùng với sự suy yếu của Anh do cuộc chiến với Hà Lan và các quốc gia châu Âu, đã dẫn đến việc Anh phải ký kết Hiệp ước Paris (1783), công nhận độc lập cho các thuộc địa Mỹ.

Cuộc chiến tranh Anh – Hà Lan lần thứ tư cũng gián tiếp thúc đẩy các cuộc đàm phán hòa bình giữa Anh và Mỹ. Bởi trong bối cảnh Anh phải đối mặt với những tổn thất lớn về tài chính và quân sự từ cuộc xung đột với Hà Lan, chính quyền Anh nhận ra rằng việc tiếp tục cuộc chiến tranh với các thuộc địa Bắc Mỹ sẽ chỉ làm gia tăng thêm gánh nặng, không chỉ về mặt quân sự mà còn về kinh tế. Vì vậy, họ nhận thấy cần phải tìm cách kết thúc cuộc chiến tranh với Mỹ để giảm bớt thiệt hại.

Các cuộc đàm phán hòa bình đã được tiến hành. Vào năm 1782, dưới áp lực do những khó khăn ngày càng gia tăng, Anh đã đồng ý mở các cuộc đàm phán với đại diện của các thuộc địa Bắc Mỹ, chủ yếu là qua các cuộc đàm phán giữa Benjamin Franklin, John Jay và John Adams của Mỹ với các đại diện Anh tại Paris. Cuối cùng, vào năm 1783, Hiệp ước Paris được ký kết, chính thức công nhận nền độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ và kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài suốt 8 năm. Hiệp ước này không chỉ công nhận quyền độc lập của Mỹ mà còn xác định các ranh giới lãnh thổ mới cho quốc gia này, mở rộng lãnh thổ của các thuộc địa dọc theo sông Mississippi (U.S Department of State, 2001).

Việc ký kết Hiệp ước này, đã đem lại cho nước Mỹ nhiều lợi ích, mà đặc biệt là sự đảm bảo chắc chắn cho nền độc lập của mình trước các cường quốc châu Âu. Về phía Anh, đó lại là sự công nhận thất bại trong cuộc chiến tranh Cách mạng Mỹ, và là kết quả của những áp lực tài chính, quân sự cũng như các yếu tố quốc tế mà Anh phải đối mặt trong bối cảnh cuộc chiến với Hà Lan. Tuy nhiên, mặc dù mất đi các thuộc địa ở Bắc Mỹ, nhưng Anh đã không mất nhiều thứ khác theo các điều khoản hòa bình (Stevens & Westcott, 1942, p. 177).

## 2.3. Đối với quan hệ Hà Lan - Mỹ

Trước khi cuộc chiến tranh Anh – Hà Lan nổ ra, Hà Lan duy trì một chính sách đối ngoại trung lập và không can thiệp vào các cuộc xung đột quốc tế lớn. Tuy nhiên, khi Anh tấn công Hà Lan vào năm 1780, cuộc chiến đã trở thành một yếu tố quyết định khiến Hà Lan phải thay đổi thái độ đối với cuộc Cách mạng Mỹ.

Tháng 4/1782, Hà Lan là quốc gia thứ hai ở lục địa châu Âu (sau Pháp) công nhận nền độc lập của nước Mỹ. Sự công nhận của Hà Lan đối với nền độc lập Mỹ là một động thái quan trọng, góp phần thiết lập giá trị của nước Mỹ trong mắt thế giới và nâng cao địa vị của nhà nước cộng hòa non trẻ này trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, việc Hà Lan công nhận Mỹ cũng mở ra cơ hội cho việc thiết lập các hiệp định thương mại, làm lợi cho cả hai bên trong giao thương quốc tế. Chính quyền Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Benjamin Franklin sau đó đã xúc tiến việc ký kết các hiệp định thương mại với Hà Lan, qua đó tạo nền tảng cho một mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia.

Bởi trong bối cảnh xung đột Anh – Hà Lan ngày càng “leo thang”, người Hà Lan mong muốn tìm kiếm các đối tác thương mại khác để thay thế cho Anh, và nỗ lực kết nối thương mại của người Mỹ lúc bấy giờ với lục địa châu Âu đã khiến Hà Lan coi Mỹ trở thành một đối tác quan trọng.

Trong tác phẩm *The Dutch Republic and The American Revolution*, tác giả Friedrich Edler cho rằng: “Vì nhiều lý do, người Hà Lan muốn ký kết một hiệp ước thương mại với Hoa Kỳ. Bởi theo ông, nhiều sản phẩm của Hoa Kỳ phù hợp với châu Âu và hoạt động thương mại này có thể tăng lên đáng kể sau khi chiến sự chấm dứt. Nông nghiệp rất phát triển ở Hoa Kỳ, các sản phẩm của Hoa Kỳ có thể được trao đổi ở châu Âu để lấy các mặt hàng sản xuất. Có một lượng lớn thuốc lá nhập khẩu từ Virginia, gạo và thuốc nhuộm chàm từ Carolina, ngũ cốc từ Pennsylvania...Đổi lại những hàng hóa này, người Hà Lan có thể gửi đến Hoa Kỳ vải lanh và vải (lakens), các sản phẩm của Liên hiệp các tỉnh (United Provinces), bông và len nhập khẩu từ các thuộc địa của Hà Lan; trong khi lụa, mặt hàng được mua nhiều ở Mỹ, có thể được cung cấp từ Đức và Pháp. Các mặt hàng của Công ty Đông Ấn như trà, đồ sứ, v.v.. cũng rất được người Mỹ ưa chuộng. Do đó, tác giả kết luận rằng Liên hiệp các tỉnh khi giành được thương mại của Mỹ không chỉ thúc đẩy hoạt động hàng hải của Hà Lan, vì việc vận chuyển hàng hóa từ và đến Hoa Kỳ hầu như hoàn toàn được thực hiện trên tàu Hà Lan, mà công nghiệp và thương mại của Hà Lan cũng sẽ được thúc đẩy” (Edler, 1911, p. 217).

Chính vì thế, một mối quan hệ thương mại chặt chẽ giữa Hà Lan và Mỹ sẽ giúp cả hai bên có lợi trong việc giao thương và duy trì nền kinh tế của mình trong thời kỳ chiến tranh. Trên cơ sở đó, ngày 8/10/1782, hiệp ước thân thiện và thương mại giữa Hà Lan và Mỹ đã được ký kết.

Ngoài ra, Hà Lan còn hỗ trợ tài chính và quân sự cho các thuộc địa Mỹ. Các tàu chiến của Mỹ được phép cập cảng của Hà Lan. Tháng 5/1782, J. Adams giành được khoản vay tín dụng lên tới 5 triệu guilder từ Hiệp hội các chủ ngân hàng Amsterdam. Đây là khoản vay đầu tiên trong tổng số 9 triệu guilder (\$3.600.000) mà nước Mỹ non trẻ kiếm được từ nguồn kiều hối của Hà Lan trong thập niên 80 thế kỷ XVIII. Nó đã giúp giải quyết dứt điểm tình trạng lạm phát trầm trọng đang bủa vây nhà nước non trẻ, bổ sung một khoản ngân sách không nhỏ cho việc kiến thiết quốc gia, nâng dần tiềm lực dân tộc (Lê, 2020, p. 108).

Cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ tư đã có những ảnh hưởng nhất định đến chính sách đối ngoại của Hà Lan trong quan hệ với Mỹ. Trước, trong và sau chiến tranh, Hà Lan đã tìm cách xây dựng các mối quan hệ ngoại giao chính thức với chính phủ Mỹ, đồng thời thúc đẩy việc công nhận độc lập của các thuộc địa Mỹ. Mặc dù các cuộc đàm phán không diễn ra ngay lập tức, nhưng cuộc chiến này đã tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự hợp tác giữa hai quốc gia. Hà Lan nhận thấy Bắc Mỹ là cơ hội để giúp quốc gia này tăng cường ảnh hưởng ở khu vực, từ đó củng cố vị thế của mình trong hệ thống thương mại quốc tế. Còn Mỹ lại coi “vùng đất thấp” là cầu nối để quốc gia này tiếp cận và mở rộng ảnh hưởng ở châu Âu lục địa.

#### 4. KẾT LUẬN

Cuộc chiến tranh Anh - Hà Lan lần thứ tư (1780-1784) đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự thay đổi vị thế của hai quốc gia. Sau cuộc chiến, Hà Lan hoàn toàn suy yếu, không chỉ trong lĩnh vực hải quân mà còn cả trong chính trị và kinh tế, không còn khả năng cạnh tranh với Anh về sức mạnh biển và tầm ảnh hưởng toàn cầu. Sự suy yếu của Hà Lan cũng đã mở đường cho Anh khẳng định lại vị thế dẫn đầu của mình trong hệ thống thương mại thế giới và củng cố hơn nữa vị thế bá chủ mặt biển cho đến đầu thế kỷ XIX.

Bên cạnh đó, cuộc chiến tranh này cũng không đơn thuần là một cuộc xung đột quân sự giữa hai cường quốc thương mại hàng hải, mà còn là một yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc đến diễn biến của cuộc Cách mạng Mỹ và là một bước ngoặt góp phần định hình lại các mối quan hệ quốc tế, khi Mỹ vươn lên với tư cách là một quốc gia độc lập và trở thành một yếu tố quan trọng trong cấu trúc chính trị toàn cầu vào cuối thế kỷ XVIII.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trong đề tài mã số T.24.NV.601.12.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bemis, S. F. (1951). *The diplomacy of the American Revolution*. Indiana University Press.
- Edler, F. (1911). *The Dutch Republic and the American Revolution*. The Johns Hopkins Press.
- Lê, T. N. (2020). Hà Lan với cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (1775–1783). *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*, (1), 100–110.

- Moore, B., & Nierop, H. van. (2016). *Colonial empires compared: Britain and the Netherlands, 1750–1850*. Routledge.
- Onnekink, D., & Rommelse, G. (2019). *The Dutch in the early modern world: A history of a global power*. Cambridge University Press.
- Oostindie, G., & Roitman, J. V. (2014). *Dutch Atlantic connections, 1680–1800: Linking empires, bridging borders*. Brill.
- Scott, H. M. (1988). Sir Joseph Yorke, Dutch politics and the origins of the Fourth Anglo-Dutch War. *The Historical Journal*, 31(3), 571–589.
- Simms, B. (2008). *Three victories and a defeat: The rise and fall of the first British Empire, 1714–1783*. Basic Books.
- Stevens, W. O., & Westcott, A. F. (1942). *A history of sea power*. Doubleday, Doran & Company.
- U.S. Department of State. (2001). *Treaty of Paris, 1783*. <https://2001-2009.state.gov/r/pa/ho/time/ar/14313.htm>

---

## **The Anglo–Dutch War (1780–1784) and its impact on Anglo–Dutch–American relations**

**Nguyen Binh An, Nguyen Ngoc Diem Quynh, Nguyen Thi Thuy Vy, Nguyen Phan Nhat Linh**

*Faculty of History, University of Education, Hue University*

---

### ARTICLE INFO

*Article history:*

*Received 13 January 2025*

*Received in revised form 28 May 2025*

*Accepted 10 June 2025*

*Published 20 October 2025*

*Keywords:*

*Anglo – Dutch war*

*Anglo – Dutch – American relations*

*American Revolution*

*Corresponding author:*

*Nguyen Binh An*

*E-mail address:*

*nban@dhsphue.edu.vn*

### ABSTRACT

The Anglo - Dutch War (1780-1784) took place in a context of political and economic tensions between the two countries, mainly stemming from the indirect support that the Netherlands provided to the British colonies in North America. Although the war was mainly fought between the two navies, it had a profound impact on the relations between the three countries Anglo – Dutch – American. This article provides an overview of the Anglo - Dutch War (1780-1784), analyzes the impacts of this war on Anglo – Dutch - American relations, as well as changes in international relations.